TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN** Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST Ngày: 29-01-2019 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Thọ - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Hùng và ông Ngô Trọng Thế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 389/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị T; nơi cư trú: Xóm B, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Trần Danh H; nơi cư trú: Xóm B, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Danh H đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Y vào ngày 06 tháng 12 năm 2012.

Trước khi đăng ký kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không ai, lừa dối, ép buộc.

Vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn cho tới nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Anh H thường xuyên uống rượu về đập phá, xúc phạm Chị, sự việc xảy ra thường xuyên Chị khuyên bảo không chịu nghe nên

Chị và các con đã về ngoại sống ly thân cắt mọi quan hệ với anh H đã 06 tháng. Hai gia đình và đoàn thể đã hòa giải nhưng Chị không chấp nhận về đoàn tụ gia đình.

Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để giải phóng cho nhau.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung.

Trần Danh Qu, sinh ngày 17 tháng 09 năm 2013.

Trần Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2015.

Chị đang nuôi 02 con chung, cháu khỏe mạnh.

Chị làm nghề nông nghiệp, thu nhập thấp, không đủ điều kiện nuôi 02 con do vậy nếu ly hôn Chị có nguyện vọng mỗi người nuôi 01 cháu, Chị được tiếp tục nuôi Trần Thị Quỳnh Tr, anh Hào nuôi Trần Danh Qu.

- Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Danh H đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 2, không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về Hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Trần Danh H được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54/2012 ngày 06 tháng 12 năm 2012, thủ tục, điều kiện kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu, đập phá, xúc phạm chị T nên chị T đã về ngoại sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ từ tháng 06 năm 2018.

Ủy ban nhân dân xã B đã xác nhận tình trạng hôn nhân và con chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì vận động thuyết phục chị T về đoàn tụ gia đình nhưng chị T không chấp nhận.

Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T đã thỏa mãn những căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đủ cơ sở chấp nhận cho ly hôn.

[3] Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung.

Trần Danh Qu, sinh ngày 17 tháng 09 năm 2013.

Trần Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2015.

Chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi 01 con chung là Trần Thị Quỳnh Tr; giao anh H nuôi 01 con chung là Trần Danh Qu.

Hội đồng xét xử xét thấy nuôi con là quyền và nghĩa vụ của bố, mẹ; chị T có thu nhập thấp, có nguyện vọng được nuôi 01 con chung. Vì vậy cần giao mỗi người nuôi 01 con chung và cháu Quỳnh Tr cho chị T nuôi dưỡng; giao cháu Qu cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T.

1. Về Hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị T và anh Trần Danh H.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Trần Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Giao con chung Trần Danh Qu, sinh ngày 17 tháng 09 năm 2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Buộc chị Ngô Thị T phải giao con chung Trần Danh Qu, sinh ngày 17 tháng 09 năm 2013 cho anh Trần Danh H trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 02 năm 2019.

Chị Ngô Thị T, anh Trần Danh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

Chị T, anh H có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con trên cơ sở lợi ích của con.

3. Án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003253 ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Thành. Chị Ngô Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu kết quả;
- Đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ